

QUYẾT ĐỊNH
Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp cao đẳng, đại học năm 2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO

Căn cứ Thông tư số 21/2019/TT-BGDĐT ngày 29/11/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế quản lý bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, bằng tốt nghiệp trung cấp sư phạm, bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm, văn bằng giáo dục đại học và chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học; Văn bản số 2684/BGDĐT-GDĐH về việc đính chính Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 05/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư 07/2023/TT-BGDĐT ngày 10/4/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non;

Căn cứ Nghị quyết số 361/NQ-HĐTĐHTTr ngày 29/4/2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Tân Trào ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Tân Trào; Nghị quyết số 613/NQ-HĐTĐHTTr ngày 18/8/2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Tân Trào sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Tân Trào; Nghị quyết số 719/NQ-HĐTĐHTTr ngày 17/7/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Tân Trào sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Tân Trào; Nghị quyết số 851/NQ-ĐHTTr-HĐT ngày 19/8/2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Tân Trào sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Tân Trào;

Căn cứ Quyết định số 761/QĐ-ĐHTTr ngày 04/10/2023 của Trường Đại học Tân Trào về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non của Trường Đại học Tân Trào;

Căn cứ Quyết định số 997/QĐ-ĐHTTr ngày 20/9/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Tân Trào; Quyết định số 876/QĐ-ĐHTTr ngày 25/8/2025

của Trường Đại học Tân Trào về sửa đổi, bổ sung Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Tân Trào;

Căn cứ Quyết định số 1078/QĐ-ĐHTTr ngày 10/10/2024 của Trường Đại học Tân Trào về việc ban hành Quy chế quản lý văn bằng, chứng chỉ của Trường Đại học Tân Trào;

Căn cứ kết quả phiên họp ngày 25/6/2026 của Hội đồng xét tốt nghiệp Trường Đại học Tân Trào;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý chất lượng và Thanh tra.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp cho 34 sinh viên trình độ cao đẳng, hệ chính quy, khóa tuyển sinh năm 2023; 21 sinh viên trình độ đại học, hệ chính quy, khóa tuyển sinh năm 2021; 400 sinh viên trình độ đại học, hệ chính quy, khóa tuyển sinh năm 2022 (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Các ông (bà) trưởng các đơn vị có liên quan trong Nhà trường và các sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo trường;
- Như điều 2 (t/h);
- Phòng Đào tạo (đăng website);
- Lưu VT, QLCLTT(Phương).

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Minh Anh Tuấn

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP NĂM 2026
Trình độ cao đẳng, hệ chính quy, khóa tuyển sinh năm 2023
Ngành đào tạo: Giáo dục Mầm non
(Kèm theo Quyết định số 777/QĐ-ĐHTTr, ngày 25/6/2026
của Trường Đại học Tân Trào)

Stt	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	TBC TN	Xếp hạng TN	Ghi chú
1	2312010025	Sông Thị Máy Bâu	08/04/2004	Nữ	2.86	Khá	
2	2312010034	Vũ Thị Kim Chi	24/01/2004	Nữ	2.96	Khá	
3	2312010030	Hoàng Thị Duyên	12/02/2005	Nữ	2.79	Khá	
4	2312010001	Nguyễn Thị Hảo	14/04/1999	Nữ	3.76	Xuất sắc	
5	2312010046	Hoàng Thị Minh Hằng	10/11/1999	Nữ	3.40	Giỏi	
6	2312010002	Đỗ Thu Hiền	22/08/2005	Nữ	2.56	Khá	
7	2312010006	Nguyễn La Hoài	28/04/2005	Nữ	3.11	Khá	
8	2312010035	Nguyễn Mai Hồng	24/02/2005	Nữ	3.29	Giỏi	
9	2312010008	Trần Thị Hưng	24/11/1999	Nữ	3.22	Giỏi	
10	2312010036	Đỗ Thúy Hương	21/06/2005	Nữ	2.87	Khá	
11	2312010009	Lường Thị Thúy Lan	30/09/2005	Nữ	2.87	Khá	
12	2312010028	Sông Thị Lâu	13/07/2005	Nữ	3.09	Khá	
13	2312010037	Nông Thị Liên	25/08/2005	Nữ	2.87	Khá	
14	2312010029	Triệu Thị Liên	25/07/2004	Nữ	2.94	Khá	
15	2312010010	Ma Ánh Linh	20/10/2005	Nữ	2.74	Khá	
16	2312010011	Tô Thị Linh	12/10/1997	Nữ	3.50	Giỏi	
17	2312010047	Thào Thị Cẩm Ly	21/10/2005	Nữ	2.89	Khá	
18	2312010013	Nguyễn Xuân Mai	13/06/2005	Nữ	3.18	Khá	

Stt	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	TBC TN	Xếp hạng TN	Ghi chú
19	2312010038	Sùng Thị Mai	01/10/2005	Nữ	2.91	Khá	
20	2312010039	Hà Thị Trà My	19/12/2005	Nữ	2.90	Khá	
21	2312010015	Vũ Thị Trà My	02/08/2004	Nữ	2.94	Khá	
22	2312010016	Cà Thị Phương	08/05/2004	Nữ	3.03	Khá	
23	2312010041	Cháng Thị Sơn	10/02/2000	Nữ	3.15	Khá	
24	2312010004	Nguyễn Ngọc Thiện	08/09/2005	Nữ	2.45	Trung Bình	
25	2312010042	Lường Thị Thơm	03/01/2005	Nữ	2.94	Khá	
26	2312010018	Hoàng Thị Kim Thu	12/11/2004	Nữ	2.83	Khá	
27	2312010019	Hứa Thanh Thủy	05/05/2005	Nữ	2.52	Khá	
28	2312010020	Ngân Thị Minh Thương	07/10/2005	Nữ	2.87	Khá	
29	2312010043	Hoàng Kiều Trang	10/12/2005	Nữ	3.29	Giỏi	
30	2312010032	Lương Thị Trang	17/03/2005	Nữ	2.94	Khá	
31	2312010022	Nguyễn Kiều Trang	18/02/2005	Nữ	2.36	Trung Bình	
32	2312010021	Ngô Trịnh Thu Trà	30/06/1998	Nữ	3.68	Xuất sắc	
33	2312010050	Dương Thị Hồng Tươi	24/07/2005	Nữ	2.94	Khá	
34	2312010044	Khoàng Thị Uyên	10/05/2005	Nữ	2.64	Khá	

(Ấn định danh sách này là 34 người)

ANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP NĂM 2026

Trình độ đại học, hệ chính quy, khóa tuyển sinh năm 2021

(Kèm theo Quyết định số 777/QĐ-ĐHTT, ngày 25/6/2026

của Trường Đại học Tân Trào)

Stt	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	TBC TN	Xếp hạng TN	Ngành đào tạo	Ghi chú
1	2154800019	Vũ Mạnh Hiếu	12/07/2003	Nam	2.05	Trung Bình	Công nghệ thông tin	
2	2152020197	Ma Khánh Linh	30/05/2003	Nữ	2.56	Khá	Giáo dục Tiểu học	
3	2157200062	Nguyễn Thị Anh Thư	07/07/2003	Nữ	2.72	Khá	Điều dưỡng	
4	2157720002	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	26/07/2003	Nữ	2.94	Khá	Dược học	
5	2157720024	Nguyễn Vũ Linh Chi	25/04/2003	Nữ	2.93	Khá	Dược học	
6	2157720004	Nguyễn Thành Đạt	15/09/2003	Nam	2.52	Khá	Dược học	
7	2157720005	Tạ Vân Điệp	14/02/2003	Nữ	3.32	Giỏi	Dược học	
8	2157720006	Lâm Thị Hồng Giang	03/12/2003	Nữ	3.35	Giỏi	Dược học	
9	2157720007	Thân Hà Giang	03/11/2003	Nữ	2.67	Khá	Dược học	
10	2157720009	Phạm Thúy Hằng	04/12/2003	Nữ	2.90	Khá	Dược học	
11	2157720010	Trần Hoàng Khánh Huyền	09/12/2003	Nữ	3.21	Giỏi	Dược học	
12	2157720026	Nguyễn Thị Thanh Kiều	17/03/2003	Nữ	3.03	Khá	Dược học	
13	2157720012	Nguyễn Ngọc Lan	15/09/2003	Nữ	2.81	Khá	Dược học	
14	2157720015	Hoàng Nam	05/12/2003	Nam	2.92	Khá	Dược học	
15	2157720017	TULAPHONE PHANTHAVONG	07/10/2002	Nữ	2.72	Khá	Dược học	
16	2157720018	Trần Đồng Minh Quyết	27/07/2003	Nam	2.80	Khá	Dược học	
17	2157720019	Chu Diễm Quỳnh	21/05/2003	Nữ	3.22	Giỏi	Dược học	
18	2157720020	Nhữ Thị Như Quỳnh	17/03/2003	Nữ	3.47	Giỏi	Dược học	
19	2157720021	Trương Thị Thu Thảo	22/11/2003	Nữ	3.24	Giỏi	Dược học	
20	2157720025	Nguyễn Thị Vui	10/04/2003	Nữ	3.32	Giỏi	Dược học	
21	2157720022	Hoàng Hải Yến	20/11/2003	Nữ	2.89	Khá	Dược học	

(Ấn định danh sách này là 21 người)

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP NĂM 2026
Trình độ đại học, hệ chính quy, khóa tuyển sinh năm 2022
(Kèm theo Quyết định số 777/QĐ-ĐHTTr, ngày 25/ 6 /2026
của Trường Đại học Tân Trào)

Stt	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	TBC TN	Xếp hạng TN	Ngành đào tạo	Ghi chú
1	2251010003	Nông Thị Duyên	21/01/2004	Nữ	3.22	Giỏi	Công tác xã hội	
2	2251010010	Triệu Thị Hoàng Thương	03/08/2004	Nữ	2.78	Khá	Công tác xã hội	
3	2257310001	Giàng A Châu	19/02/2004	Nam	3.15	Khá	Chính trị học	
4	2257310002	Nguyễn Thị Kim Liên	30/01/2004	Nữ	3.48	Giỏi	Chính trị học	
5	2252020300	Chu Thị Quỳnh Anh	10/09/2004	Nữ	3.28	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
6	2252020046	Đặng Phương Anh	29/08/2004	Nữ	3.04	Khá	Giáo dục Tiểu học	
7	2252020301	Đỗ Lan Anh	09/10/2004	Nữ	3.50	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
8	2252020121	Hà Thị Ngọc Anh	14/11/2004	Nữ	2.96	Khá	Giáo dục Tiểu học	
9	2252020001	Lê Thị Lan Anh	22/06/2004	Nữ	2.91	Khá	Giáo dục Tiểu học	
10	2252020302	Lê Thị Vân Anh	15/11/2004	Nữ	2.95	Khá	Giáo dục Tiểu học	
11	2252020003	Mai Thị Linh Anh	03/02/2004	Nữ	3.38	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
12	2252020303	Nguyễn Huyền Anh	28/05/2004	Nữ	3.38	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
13	2252020122	Nguyễn Kim Anh	11/05/2004	Nữ	3.53	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
14	2252020304	Nguyễn Phương Anh	07/05/2004	Nữ	3.45	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
15	2252020306	Nguyễn Thảo Anh	18/11/2004	Nữ	3.14	Khá	Giáo dục Tiểu học	
16	2252020181	Nguyễn Thị Vân Anh	01/11/2004	Nữ	3.03	Khá	Giáo dục Tiểu học	
17	2252020351	Trần Hải Anh	21/08/2004	Nữ	2.92	Khá	Giáo dục Tiểu học	
18	2252020241	Lương Thị Tuyết Bạch	05/07/2004	Nữ	2.94	Khá	Giáo dục Tiểu học	
19	2252020352	Hầu Thị Bích	10/04/2003	Nữ	2.71	Khá	Giáo dục Tiểu học	
20	2252020307	Vì Thị Việt Bích	06/11/2004	Nữ	3.01	Khá	Giáo dục Tiểu học	
21	2252020170	Chu Thị Chiêu	30/04/2004	Nữ	2.97	Khá	Giáo dục Tiểu học	
22	2252020104	Cà Văn Cường	16/04/2004	Nam	2.89	Khá	Giáo dục Tiểu học	

Stt	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	TBC TN	Xếp hạng TN	Ngành đào tạo	Ghi chú
23	2252020183	Bàn Thị Dân	10/12/2004	Nữ	2.72	Khá	Giáo dục Tiểu học	
24	2252020310	Ma Thị Diên	12/02/2004	Nữ	3.29	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
25	2252020353	Nguyễn Thị Kiều Diễm	06/12/2004	Nữ	3.39	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
26	2252020311	Chu Thị Diệp	23/10/2003	Nữ	3.02	Khá	Giáo dục Tiểu học	
27	2252020354	Trần Thị Kim Dung	25/05/2004	Nữ	3.33	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
28	2252020313	Nguyễn Thị Mai Duyên	27/12/2004	Nữ	3.06	Khá	Giáo dục Tiểu học	
29	2252020184	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	10/04/2004	Nữ	3.26	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
30	2252020314	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	01/01/2004	Nữ	3.13	Khá	Giáo dục Tiểu học	
31	2252020067	Đinh Mạnh Dũng	09/07/2004	Nam	2.68	Khá	Giáo dục Tiểu học	
32	2252020243	Lê Tiến Dũng	01/02/2004	Nam	2.69	Khá	Giáo dục Tiểu học	
33	2252020244	Nguyễn Ngọc Dũng	26/02/2004	Nam	2.57	Khá	Giáo dục Tiểu học	
34	2252020315	Lý Thị Thùy Dương	09/03/2004	Nữ	3.25	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
35	2252020355	Phạm Thúy Đào	15/01/2004	Nữ	3.31	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
36	2252020068	Nguyễn Trung Đức	13/09/2004	Nam	2.62	Khá	Giáo dục Tiểu học	
37	2252020247	Trần Văn Đức	15/03/2004	Nam	2.58	Khá	Giáo dục Tiểu học	
38	2252020007	Nguyễn Hoàng Hương Giang	07/10/2004	Nữ	2.99	Khá	Giáo dục Tiểu học	
39	2252020187	Nguyễn Hương Giang	13/12/2004	Nữ	2.99	Khá	Giáo dục Tiểu học	
40	2252020316	Nguyễn Thị Hương Giang	02/04/2004	Nữ	2.91	Khá	Giáo dục Tiểu học	
41	2252020172	Trần Hương Giang	07/04/2004	Nữ	3.19	Khá	Giáo dục Tiểu học	
42	2252020317	Bùi Thu Hà	05/04/2004	Nữ	2.81	Khá	Giáo dục Tiểu học	
43	2252020009	Đặng Thị Hà	01/09/2004	Nữ	2.88	Khá	Giáo dục Tiểu học	
44	2252020224	Nguyễn Bảo Hà	02/10/2004	Nữ	2.84	Khá	Giáo dục Tiểu học	
45	2252020173	Nguyễn Việt Hà	10/10/2004	Nữ	3.38	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
46	2252020248	Nguyễn Trung Hải	10/07/2004	Nam	2.57	Khá	Giáo dục Tiểu học	

Stt	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	TBC TN	Xếp hạng TN	Ngành đào tạo	Ghi chú
47	2252020127	Vũ Thị Hảo	19/07/2004	Nữ	3.30	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
48	2252020249	Vương Thu Hảo	14/09/2004	Nữ	3.28	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
49	2252020189	Đào Thị Hạnh	04/05/2004	Nữ	2.73	Khá	Giáo dục Tiểu học	
50	2252020190	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	29/03/2004	Nữ	2.90	Khá	Giáo dục Tiểu học	
51	2252020225	Dương Thị Hằng	02/06/2004	Nữ	2.98	Khá	Giáo dục Tiểu học	
52	2252020010	Nguyễn Thị Thu Hằng	13/09/2004	Nữ	2.96	Khá	Giáo dục Tiểu học	
53	2252020011	Hoàng Thị Hậu	27/02/2004	Nữ	3.02	Khá	Giáo dục Tiểu học	
54	2252020251	Nguyễn Thị Hoài Hậu	13/06/2004	Nữ	3.02	Khá	Giáo dục Tiểu học	
55	2252020228	Nông Thanh Hậu	02/12/2004	Nữ	2.92	Khá	Giáo dục Tiểu học	
56	2252020191	Nguyễn Thị Hiền	28/09/2004	Nữ	3.09	Khá	Giáo dục Tiểu học	
57	2252020128	Châu Thị Hiền	14/12/2004	Nữ	3.14	Khá	Giáo dục Tiểu học	
58	2252020318	Đào Thúy Hiền	23/05/2004	Nữ	3.03	Khá	Giáo dục Tiểu học	
59	2252020129	Lê Thúy Hiền	28/03/2004	Nữ	3.21	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
60	2252020130	Quan Thị Thu Hiền	24/11/2004	Nữ	3.34	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
61	2252020131	Trương Thị Thu Hiền	18/08/2004	Nữ	3.02	Khá	Giáo dục Tiểu học	
62	2252020320	Hoàng Thị Hoa	16/12/2004	Nữ	3.04	Khá	Giáo dục Tiểu học	
63	2252020012	Ma Thị Hoa	22/06/2004	Nữ	3.05	Khá	Giáo dục Tiểu học	
64	2252020071	Đinh Thu Hoài	07/04/2004	Nữ	2.64	Khá	Giáo dục Tiểu học	
65	2252020114	Trần Thị Thu Hoài	17/09/2004	Nữ	3.32	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
66	2252020132	Lê Phương Hòa	22/03/2004	Nữ	2.80	Khá	Giáo dục Tiểu học	
67	2252020321	Lê Thị Ngọc Hòa	02/03/2004	Nữ	3.03	Khá	Giáo dục Tiểu học	
68	2252020072	Lò Văn Hòa	23/11/2004	Nam	2.76	Khá	Giáo dục Tiểu học	
69	2252020288	Triệu Mùi Hồng	28/01/2004	Nữ	3.13	Khá	Giáo dục Tiểu học	
70	2252020133	Nguyễn Thị Huế	11/10/2004	Nữ	3.14	Khá	Giáo dục Tiểu học	

Stt	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	TBC TN	Xếp hạng TN	Ngành đào tạo	Ghi chú
71	2252020107	Phạm Mai Huế	05/06/2003	Nữ	3.28	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
72	2252020013	Lê Quốc Huy	06/04/2004	Nam	2.75	Khá	Giáo dục Tiểu học	
73	2252020252	Nguyễn Quốc Huy	27/10/2004	Nam	2.93	Khá	Giáo dục Tiểu học	
74	2252020226	Lưu Khánh Huyền	08/11/2004	Nữ	3.02	Khá	Giáo dục Tiểu học	
75	2252020108	Ma Thị Thu Huyền	26/02/2004	Nữ	3.22	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
76	2252020056	Nguyễn Thị Thu Huyền	09/09/2004 14:29	Nữ	3.02	Khá	Giáo dục Tiểu học	
77	2252020134	Quan Thị Ngọc Huyền	16/01/2004	Nữ	3.44	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
78	2252020135	Trần Thu Huyền	18/11/2004	Nữ	3.32	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
79	2252020227	Vũ Khánh Huyền	02/09/2004	Nữ	3.31	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
80	2252020253	Hoàng Thị Huyền	02/01/2004	Nữ	2.93	Khá	Giáo dục Tiểu học	
81	2252020322	Bùi Lan Hương	16/04/2004	Nữ	3.45	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
82	2252020137	Hoàng Thu Hương	01/08/2004	Nữ	3.02	Khá	Giáo dục Tiểu học	
83	2252020323	Nguyễn Thu Hương	25/06/2004	Nữ	3.15	Khá	Giáo dục Tiểu học	
84	2252020198	Phan Thiên Hương	01/09/2004	Nữ	2.81	Khá	Giáo dục Tiểu học	
85	2252020199	Quan Thị Hường	07/05/2004	Nữ	3.23	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
86	2252020057	Nông Thị Hường	14/01/2004	Nữ	2.83	Khá	Giáo dục Tiểu học	
87	2252020017	Vũ Thị Bảo Khanh	20/01/2004	Nữ	3.34	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
88	2252020256	Nguyễn Ngọc Khánh	13/06/2004	Nữ	3.06	Khá	Giáo dục Tiểu học	
89	2252020200	Đinh Duy Khải	15/07/2003	Nam	2.59	Khá	Giáo dục Tiểu học	
90	2252020175	Mã Quang Khải	10/12/2003	Nam	2.99	Khá	Giáo dục Tiểu học	
91	2252020138	Poọng Công Khôi	23/05/2000	Nam	2.74	Khá	Giáo dục Tiểu học	
92	2252020074	Lò Thị Kim	08/01/2004	Nữ	2.61	Khá	Giáo dục Tiểu học	
93	2252020019	Ngô Huyền Lam	26/03/2004	Nữ	3.02	Khá	Giáo dục Tiểu học	
94	2252020020	Dương Thị Lan	27/10/2003	Nữ	3.26	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	

Stt	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	TBC TN	Xếp hạng TN	Ngành đào tạo	Ghi chú
95	2252020021	Đoàn Thị Hương Lan	11/04/2004	Nữ	3.11	Khá	Giáo dục Tiểu học	
96	2252020115	Nguyễn Lý Ngọc Lan	24/09/2004	Nữ	2.73	Khá	Giáo dục Tiểu học	
97	2252020231	Nguyễn Thị Lan	29/08/2004	Nữ	2.74	Khá	Giáo dục Tiểu học	
98	2252020139	Dương Thị Mỹ Lệ	16/06/2004	Nữ	3.65	Xuất sắc	Giáo dục Tiểu học	
99	2252020054	Hoàng Thị Mỹ Lệ	17/04/2004	Nữ	3.31	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
100	2252020234	Nguyễn Nhật Lệ	31/03/1999	Nữ	3.13	Khá	Giáo dục Tiểu học	
101	2252020024	Đào Thị Khánh Linh	15/10/2004	Nữ	3.27	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
102	2252020025	Hoàng Diệu Linh	10/11/2004	Nữ	3.27	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
103	2252020053	Lê Thị Khánh Linh	26/11/2003	Nữ	3.30	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
104	2252020291	Lộc Thị Phương Linh	29/02/2004	Nữ	3.05	Khá	Giáo dục Tiểu học	
105	2252020260	Nguyễn Hoàng Linh	19/05/2004	Nữ	3.28	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
106	2252020232	Nguyễn Hồng Linh	27/12/2004	Nữ	2.79	Khá	Giáo dục Tiểu học	
107	2252020076	Nguyễn Phương Linh	08/04/2004	Nữ	2.78	Khá	Giáo dục Tiểu học	
108	2252020326	Nguyễn Thị Thùy Linh	02/08/2004	Nữ	3.40	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
109	2252020235	Nguyễn Thùy Linh	26/10/2004	Nữ	2.64	Khá	Giáo dục Tiểu học	
110	2252020328	Nguyễn Vũ Thùy Linh	29/09/2004	Nữ	3.20	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
111	2252020261	Quan Diệu Linh	06/02/2004	Nữ	2.81	Khá	Giáo dục Tiểu học	
112	2252020262	Thên Thị Hoài Linh	05/04/2004	Nữ	2.82	Khá	Giáo dục Tiểu học	
113	2252020203	Trần Thị Ngọc Linh	26/12/2004	Nữ	3.34	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
114	2252020140	Lương Thị Loan	25/12/2004	Nữ	3.60	Xuất sắc	Giáo dục Tiểu học	
115	2252020236	Ngô Thị Thanh Loan	24/10/2004	Nữ	3.28	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
116	2252020026	Ma Thị Loàn	30/01/2004	Nữ	2.88	Khá	Giáo dục Tiểu học	
117	2252020077	Đặng Phi Long	13/07/2004	Nam	2.60	Khá	Giáo dục Tiểu học	
118	2252020052	Hoàng Văn Lương	30/12/2004	Nam	2.97	Khá	Giáo dục Tiểu học	

Stt	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	TBC TN	Xếp hạng TN	Ngành đào tạo	Ghi chú
119	2252020142	Bùi Khánh Ly	25/10/2004	Nữ	3.03	Khá	Giáo dục Tiểu học	
120	2252020330	Nguyễn Thị Ly	27/01/2003	Nữ	3.28	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
121	2252020051	Quân Thị Tuyết Mai	11/10/2003	Nữ	3.05	Khá	Giáo dục Tiểu học	
122	2252020143	Triệu Thị Mến	08/02/2004	Nữ	3.02	Khá	Giáo dục Tiểu học	
123	2252020229	Trần Ngọc Minh	19/11/2004	Nữ	3.73	Xuất sắc	Giáo dục Tiểu học	
124	2252020265	Hoàng Thị Mùi	04/10/2003	Nữ	3.54	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
125	2252020078	Mùi Văn Mừng	16/01/2004	Nam	2.84	Khá	Giáo dục Tiểu học	
126	2252020079	Quan Thị Thu Mừng	02/09/2004	Nữ	3.05	Khá	Giáo dục Tiểu học	
127	2252020080	Nguyễn Trà My	14/08/2004	Nữ	3.11	Khá	Giáo dục Tiểu học	
128	2252020266	Hòa Thị Mỹ Na	17/12/2004	Nữ	2.90	Khá	Giáo dục Tiểu học	
129	2252020081	Triệu Ngọc Nam	14/02/2004	Nam	2.77	Khá	Giáo dục Tiểu học	
130	2252020237	Đặng Thị Nga	20/02/2004	Nữ	3.43	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
131	2252020082	Ngô Thị Nga	10/04/2004	Nữ	2.84	Khá	Giáo dục Tiểu học	
132	2252020332	Vừ Thị Thu Nga	29/04/2003	Nữ	3.27	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
133	2252020083	Cà Thị Ngân	03/09/2004	Nữ	3.16	Khá	Giáo dục Tiểu học	
134	2252020145	Đặng Quỳnh Ngân	21/06/2004	Nữ	2.70	Khá	Giáo dục Tiểu học	
135	2252020206	Nông Thị Kim Ngân	16/03/2004	Nữ	3.30	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
136	2252020146	Trần Thanh Ngân	04/01/2004	Nữ	3.24	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
137	2252020147	Trần Thị Hồng Ngân	12/08/2004	Nữ	3.23	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
138	2252020148	Hoàng Bích Ngọc	13/12/2004	Nữ	2.75	Khá	Giáo dục Tiểu học	
139	2252020028	Hoàng Thị Thanh Ngọc	20/10/2004	Nữ	2.86	Khá	Giáo dục Tiểu học	
140	2252020029	Ngô Thị Bảo Ngọc	31/08/2004	Nữ	3.56	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
141	2252020356	Trần Minh Ngọc	16/07/2004	Nữ	3.21	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
142	2252020030	Vũ Bích Ngọc	24/11/2004	Nữ	3.62	Xuất sắc	Giáo dục Tiểu học	

Stt	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	TBC TN	Xếp hạng TN	Ngành đào tạo	Ghi chú
143	2252020031	Nguyễn Đức Nguyên	06/04/2001	Nam	3.54	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
144	2252020032	Bùi Thị Minh Nguyệt	05/01/2004	Nữ	3.02	Khá	Giáo dục Tiểu học	
145	2252020271	Lý Thị Minh Nguyệt	06/11/2004	Nữ	2.96	Khá	Giáo dục Tiểu học	
146	2252020293	Nguyễn Thị Nguyệt	03/01/2002	Nữ	3.02	Khá	Giáo dục Tiểu học	
147	2252020272	Nông Yến Nhi	20/11/2004	Nữ	2.70	Khá	Giáo dục Tiểu học	
148	2252020208	Bùi Thị Nhung	24/11/2004	Nữ	3.01	Khá	Giáo dục Tiểu học	
149	2252020335	Đinh Thị Hồng Nhung	13/03/2004	Nữ	3.01	Khá	Giáo dục Tiểu học	
150	2252020273	Ngô Thị Hồng Nhung	10/01/2004	Nữ	2.82	Khá	Giáo dục Tiểu học	
151	2252020151	Nguyễn Thị Nhung	12/11/2004	Nữ	2.64	Khá	Giáo dục Tiểu học	
152	2252020274	Quan Thị Nụ	21/11/2004	Nữ	3.33	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
153	2252020336	Đỗ Kiều Oanh	19/11/2004	Nữ	2.97	Khá	Giáo dục Tiểu học	
154	2252020110	Hoàng Phương Oanh	28/11/2003	Nữ	3.04	Khá	Giáo dục Tiểu học	
155	2252020087	Triệu Duy Phong	24/02/2004	Nam	2.74	Khá	Giáo dục Tiểu học	
156	2252020338	Đặng Hà Phương	06/08/2004	Nữ	3.26	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
157	2252020153	Mai Thu Phương	29/12/2004	Nữ	3.39	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
158	2252020154	Nguyễn Thị Phương	28/12/2003	Nữ	3.38	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
159	2252020088	Trần Phạm Mai Phương	20/09/2004	Nữ	2.97	Khá	Giáo dục Tiểu học	
160	2252020339	Vũ Thu Phương	16/10/2004	Nữ	3.30	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
161	2252020033	Hoàng Thị Thanh Quyên	09/06/2004	Nữ	3.32	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
162	2252020277	Lương Thảo Quyên	14/03/2004	Nữ	2.74	Khá	Giáo dục Tiểu học	
163	2252020034	Trần Lệ Quyên	13/09/2004	Nữ	3.28	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
164	2252020089	Đặng Như Quỳnh	10/06/2004	Nữ	2.88	Khá	Giáo dục Tiểu học	
165	2252020278	Hoàng Thị Quỳnh	11/06/2004	Nữ	2.80	Khá	Giáo dục Tiểu học	
166	2252020090	Trần Thị Như Quỳnh	01/07/2003	Nữ	3.13	Khá	Giáo dục Tiểu học	

Stt	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	TBC TN	Xếp hạng TN	Ngành đào tạo	Ghi chú
167	2252020212	Bàn Thị Sâm	18/07/2004	Nữ	3.06	Khá	Giáo dục Tiểu học	
168	2252020294	Phàn Mùi Sâu	24/08/2004	Nữ	3.48	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
169	2252020092	Lò Văn Sơn	20/11/2004	Nam	2.75	Khá	Giáo dục Tiểu học	
170	2252020279	Châu Thị Tâm	17/03/2004	Nữ	2.87	Khá	Giáo dục Tiểu học	
171	2252020155	Nguyễn Thị Minh Tâm	23/05/2004	Nữ	2.87	Khá	Giáo dục Tiểu học	
172	2252020176	Triệu Thanh Tâm	17/08/2004	Nữ	3.60	Xuất sắc	Giáo dục Tiểu học	
173	2252020157	Phạm Thị Tầm	22/10/2004	Nữ	3.34	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
174	2252020177	Đường Thị Thảo	21/07/2004	Nữ	2.80	Khá	Giáo dục Tiểu học	
175	2252020158	Hoàng Phương Thảo	17/02/2004	Nữ	3.47	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
176	2252020094	Hoàng Thu Thảo	28/11/2004	Nữ	2.85	Khá	Giáo dục Tiểu học	
177	2252020297	Lương Phương Thảo	16/09/2004	Nữ	2.95	Khá	Giáo dục Tiểu học	
178	2252020095	Quàng Thu Thảo	11/01/2004	Nữ	2.74	Khá	Giáo dục Tiểu học	
179	2252020341	Trịnh Phương Thảo	17/04/2004	Nữ	2.64	Khá	Giáo dục Tiểu học	
180	2252020159	Vũ Thanh Thảo	10/07/2004	Nữ	2.81	Khá	Giáo dục Tiểu học	
181	2252020215	Hứa Nông Nhật Thiện	12/10/2004	Nam	2.50	Khá	Giáo dục Tiểu học	
182	2252020342	Cao Thị Minh Thu	17/10/2004	Nữ	3.27	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
183	2252020282	Chúc Thị Thanh Thủy	23/11/2004	Nữ	2.92	Khá	Giáo dục Tiểu học	
184	2252020343	Nguyễn Thị Thu Thủy	13/07/2004	Nữ	3.11	Khá	Giáo dục Tiểu học	
185	2252020098	Hà Anh Thư	05/04/2004	Nữ	3.30	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
186	2252020040	Bùi Thị Thương	24/04/2004	Nữ	3.29	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
187	2252020230	Lại Thị Hoài Thương	13/10/2004	Nữ	2.91	Khá	Giáo dục Tiểu học	
188	2252020283	Nguyễn Thị Thương	18/04/2004	Nữ	2.56	Khá	Giáo dục Tiểu học	
189	2252020295	Ma Văn Thước	03/09/2004	Nam	2.60	Khá	Giáo dục Tiểu học	
190	2252020041	Hoàng Minh Tiến	27/05/2004	Nam	2.72	Khá	Giáo dục Tiểu học	

Stt	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	TBC TN	Xếp hạng TN	Ngành đào tạo	Ghi chú
191	2252020042	Ma Thị Thanh Toan	03/06/2004	Nữ	3.23	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
192	2252020163	Hoàng Thị Tóc	30/03/2004	Nữ	2.78	Khá	Giáo dục Tiểu học	
193	2252020219	Giáp Thu Trang	20/01/2004	Nữ	2.85	Khá	Giáo dục Tiểu học	
194	2252020357	Lê Thùy Trang	27/09/2004	Nữ	2.89	Khá	Giáo dục Tiểu học	
195	2252020043	Ngô Thị Trang	07/09/1999	Nữ	3.75	Xuất sắc	Giáo dục Tiểu học	
196	2252020345	Trần Kiều Trang	23/12/2003	Nữ	3.24	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
197	2252020164	Dương Thị Thu Trà	12/01/2004	Nữ	3.04	Khá	Giáo dục Tiểu học	
198	2252020099	Đinh Ngọc Trâm	23/11/2004	Nữ	3.22	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
199	2252020284	Hoàng Đức Trung	29/08/2004	Nam	2.56	Khá	Giáo dục Tiểu học	
200	2252020048	Nguyễn Công Trường	13/11/2003	Nam	2.73	Khá	Giáo dục Tiểu học	
201	2252020101	Đinh Anh Tuấn	27/06/2004	Nam	2.67	Khá	Giáo dục Tiểu học	
202	2252020296	Hoàng Thị Tuyết	14/10/2004	Nữ	2.93	Khá	Giáo dục Tiểu học	
203	2252020221	Ma Thị Hồng Tươi	24/06/2004	Nữ	2.95	Khá	Giáo dục Tiểu học	
204	2252020222	Lý Thị Tố Uyên	19/10/2004	Nữ	2.95	Khá	Giáo dục Tiểu học	
205	2252020165	Viên Thị Thu Uyên	04/04/2004	Nữ	3.34	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
206	2252020166	Vương Lệ Uyên	27/01/2004	Nữ	3.36	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
207	2252020346	Bùi Thanh Vân	06/06/2004	Nữ	2.97	Khá	Giáo dục Tiểu học	
208	2252020286	Hoàng Thị Vân	23/08/2004	Nữ	2.76	Khá	Giáo dục Tiểu học	
209	2252020112	Nguyễn Thảo Vân	22/06/2004	Nữ	3.42	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
210	2252020047	Quan Hà Vi	06/12/2004	Nữ	2.94	Khá	Giáo dục Tiểu học	
211	2252020223	Triệu Thị Yên	24/02/2004	Nữ	2.95	Khá	Giáo dục Tiểu học	
212	2252020103	Lưu Thị Hải Yến	16/07/2004	Nữ	2.83	Khá	Giáo dục Tiểu học	
213	2252020348	Nguyễn Hải Yến	08/03/2004	Nữ	3.32	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
214	2252020168	Nguyễn Thị Hải Yến	23/06/2004	Nữ	2.89	Khá	Giáo dục Tiểu học	

Stt	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	TBC TN	Xếp hạng TN	Ngành đào tạo	Ghi chú
215	2252020045	Trần Thị Hồng Yến	19/12/2004	Nữ	3.09	Khá	Giáo dục Tiểu học	
216	2252010033	Giàng Thị Bàu	16/06/2004	Nữ	2.93	Khá	Giáo dục Mầm non	
217	2252010002	Đinh Thị Chinh	23/03/2004	Nữ	3.08	Khá	Giáo dục Mầm non	
218	2252010003	Giàng Thị Chính	10/07/2003	Nữ	3.00	Khá	Giáo dục Mầm non	
219	2252010004	Vừ Thị Dính	19/04/2004	Nữ	3.11	Khá	Giáo dục Mầm non	
220	2252010036	Ma Thùy Dung	13/06/2004	Nữ	2.87	Khá	Giáo dục Mầm non	
221	2252010006	Mã Thị Dung	28/02/2004	Nữ	2.80	Khá	Giáo dục Mầm non	
222	2252010007	Hồ Thị Duyên	20/05/2004	Nữ	2.87	Khá	Giáo dục Mầm non	
223	2252010037	Ma Thị Thu Duyên	07/12/2001	Nữ	3.22	Giỏi	Giáo dục Mầm non	
224	2252010061	Sùng Phì Dứ	20/10/2004	Nữ	3.08	Khá	Giáo dục Mầm non	
225	2252010062	Vàng Thị Đào	15/03/2004	Nữ	2.90	Khá	Giáo dục Mầm non	
226	2252010063	Pòong Thị Điệp	03/03/2004	Nữ	3.01	Khá	Giáo dục Mầm non	
227	2252010050	Lê Thu Hà	20/07/2004	Nữ	2.73	Khá	Giáo dục Mầm non	
228	2252010010	Cùng Thị Hạnh	30/08/2004	Nữ	2.76	Khá	Giáo dục Mầm non	
229	2252010039	Triệu Thị Thúy Hằng	10/04/2004	Nữ	2.85	Khá	Giáo dục Mầm non	
230	2252010040	Nông Thị Thu Hiền	27/03/2004	Nữ	3.06	Khá	Giáo dục Mầm non	
231	2252010041	Nông Thị Thu Hiền	04/08/2004	Nữ	3.17	Khá	Giáo dục Mầm non	
232	2252010012	Thái Thúy Hiền	10/10/2004	Nữ	2.80	Khá	Giáo dục Mầm non	
233	2252010064	Vương Thị Hiền	12/12/2004	Nữ	3.23	Giỏi	Giáo dục Mầm non	
234	2252010067	Mè Thị Hoan	25/09/2003	Nữ	2.87	Khá	Giáo dục Mầm non	
235	2252010068	Vàng Thị Hoàng	20/11/2004	Nữ	3.20	Giỏi	Giáo dục Mầm non	
236	2252010013	Ma Thị Bích Hồng	08/12/2004	Nữ	2.97	Khá	Giáo dục Mầm non	
237	2252010015	Hoàng Thu Huyền	26/04/2004	Nữ	3.04	Khá	Giáo dục Mầm non	
238	2252010070	Nguyễn Thị Thu Huyền	21/10/2004	Nữ	3.11	Khá	Giáo dục Mầm non	

Stt	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	TBC TN	Xếp hạng TN	Ngành đào tạo	Ghi chú
239	2252010071	Hoàng Thị Trâm Hương	30/08/2004	Nữ	2.80	Khá	Giáo dục Mầm non	
240	2252010072	Phùng Thu Hường	08/12/2004	Nữ	2.67	Khá	Giáo dục Mầm non	
241	2252010042	Tải Thị Hường	18/10/2003	Nữ	2.76	Khá	Giáo dục Mầm non	
242	2252010073	Thùng Thị Hường	20/08/2004	Nữ	2.84	Khá	Giáo dục Mầm non	
243	2252010074	Vũ Bích Hường	27/09/2004	Nữ	2.81	Khá	Giáo dục Mầm non	
244	2252010076	Pờ Giá Lan	02/02/2004	Nữ	3.07	Khá	Giáo dục Mầm non	
245	2252010077	Nông Thị Lanh	02/08/2004	Nữ	2.90	Khá	Giáo dục Mầm non	
246	2252010016	Hoàng Thị Lệ	02/01/2004	Nữ	2.94	Khá	Giáo dục Mầm non	
247	2252010044	Lục Thị Lệ	17/10/2004	Nữ	3.04	Khá	Giáo dục Mầm non	
248	2252010017	Hồ Phương Linh	17/04/2004	Nữ	3.27	Giỏi	Giáo dục Mầm non	
249	2252010079	Nông Thị Mai Loan	25/06/2004	Nữ	2.64	Khá	Giáo dục Mầm non	
250	2252010080	Mùi Thị Cẩm Ly	30/08/2004	Nữ	2.93	Khá	Giáo dục Mầm non	
251	2252010082	Lường Thị Thái Mai	10/07/2004	Nữ	2.96	Khá	Giáo dục Mầm non	
252	2252010069	Ma Thị Tuệ Minh	18/01/2004	Nữ	3.02	Khá	Giáo dục Mầm non	
253	2252010083	Mùa Thị Mị	30/11/2004	Nữ	3.02	Khá	Giáo dục Mầm non	
254	2252010019	Hoàng Kim Ngân	30/01/2003	Nữ	2.86	Khá	Giáo dục Mầm non	
255	2252010045	Lù Hà Ngân	23/11/2004	Nữ	2.47	Trung Bình	Giáo dục Mầm non	
256	2252010086	Vũ Thị Ngọc	09/02/2004	Nữ	3.29	Giỏi	Giáo dục Mầm non	
257	2252010087	Ngân Ánh Nguyệt	16/10/2003	Nữ	2.75	Khá	Giáo dục Mầm non	
258	2252010046	Châu Thị Nhung	04/09/2004	Nữ	2.93	Khá	Giáo dục Mầm non	
259	2252010089	Ma Thị Hồng Nhung	03/03/2004	Nữ	2.94	Khá	Giáo dục Mầm non	
260	2252010020	Hảng Thị Pàng	03/12/2004	Nữ	2.92	Khá	Giáo dục Mầm non	
261	2252010091	Đặng Thị Phượng	06/12/2004	Nữ	2.78	Khá	Giáo dục Mầm non	
262	2252010093	Lù Thị Phúc	17/09/2003	Nữ	2.87	Khá	Giáo dục Mầm non	

Stt	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	TBC TN	Xếp hạng TN	Ngành đào tạo	Ghi chú
263	2252010094	Hoàng Thị Mai Quyên	20/09/2003	Nữ	3.25	Giỏi	Giáo dục Mầm non	
264	2252010023	Tòng Thị Quyên	10/08/2004	Nữ	2.91	Khá	Giáo dục Mầm non	
265	2252010024	Lường Thị Quỳnh	11/07/2003	Nữ	2.91	Khá	Giáo dục Mầm non	
266	2252010096	Phạm Phương Thanh	02/02/2004	Nữ	2.94	Khá	Giáo dục Mầm non	
267	2252010047	Nông Phương Thảo	01/11/2003	Nữ	3.12	Khá	Giáo dục Mầm non	
268	2252010100	Đặng Thị Thùy	07/02/2002	Nữ	3.03	Khá	Giáo dục Mầm non	
269	2252010053	Hoàng Thu Thùy	08/08/2002	Nữ	3.47	Giỏi	Giáo dục Mầm non	
270	2252010101	Lý Thanh Thùy	10/06/2004	Nữ	3.27	Giỏi	Giáo dục Mầm non	
271	2252010026	Quân Thùy Trang	10/09/2004	Nữ	2.98	Khá	Giáo dục Mầm non	
272	2252010103	Trần Huyền Trang	21/11/2004	Nữ	2.74	Khá	Giáo dục Mầm non	
273	2252010027	Nông Thanh Trà	06/11/2004	Nữ	2.93	Khá	Giáo dục Mầm non	
274	2252010028	Bàn Ngọc Tuyên	12/07/2004	Nữ	2.99	Khá	Giáo dục Mầm non	
275	2252010029	Hoàng Thị Tuyết	10/10/2004	Nữ	3.16	Khá	Giáo dục Mầm non	
276	2252010104	Phạm Ngọc Tú	29/03/2004	Nữ	2.87	Khá	Giáo dục Mầm non	
277	2252010048	Nguyễn Thị Uyên	28/03/2004	Nữ	3.00	Khá	Giáo dục Mầm non	
278	2252010105	Phạm Thị Vân	23/11/2004	Nữ	3.02	Khá	Giáo dục Mầm non	
279	2252010030	Hoàng Thúy Vụ	12/12/2004	Nữ	2.92	Khá	Giáo dục Mầm non	
280	2252010107	Giàng Thị Xuân	18/08/2004	Nữ	2.97	Khá	Giáo dục Mầm non	
281	2252010032	Đặng Hải Yến	16/10/2004	Nữ	3.07	Khá	Giáo dục Mầm non	
282	2252010108	Đinh Hải Yến	23/02/2004	Nữ	3.05	Khá	Giáo dục Mầm non	
283	2254800003	Đỗ Trọng Giáp	15/04/2004	Nam	2.59	Khá	Công nghệ thông tin	
284	2254800005	Bùi Tiến Hiệp	31/08/2004	Nam	2.71	Khá	Công nghệ thông tin	
285	2254800010	Dương Tuấn Huy	17/11/2004	Nam	2.59	Khá	Công nghệ thông tin	
286	2254800011	Nguyễn Ngọc Huyền	23/09/2004	Nữ	2.79	Khá	Công nghệ thông tin	

Stt	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	TBC TN	Xếp hạng TN	Ngành đào tạo	Ghi chú
287	2254800039	Quân Văn Khoa	23/03/2001	Nam	2.52	Khá	Công nghệ thông tin	
288	2254800040	Châu Trung Kiên	01/01/2004	Nam	2.78	Khá	Công nghệ thông tin	
289	2254800016	Tô Hữu Phi	28/03/2004	Nam	2.16	Trung Bình	Công nghệ thông tin	
290	2254800049	Quan Vân Trường	03/12/2004	Nam	2.57	Khá	Công nghệ thông tin	
291	2254800052	Lê Tuấn Việt	14/03/2004	Nam	2.83	Khá	Công nghệ thông tin	
292	2254800028	Ma Hoàng Quốc Việt	13/10/2004	Nam	2.86	Khá	Công nghệ thông tin	
293	2252470002	Nguyễn Ngọc Hà	18/06/2004	Nữ	3.38	Giỏi	Khoa học tự nhiên	
294	2252470004	Hoàng Thị Thanh Nga	29/09/2004	Nữ	3.24	Giỏi	Khoa học tự nhiên	
295	2252470005	Phùng Thị Kim Oanh	20/07/2004	Nữ	3.09	Khá	Khoa học tự nhiên	
296	2252090001	Đinh Quỳnh Anh	28/10/2004	Nữ	3.37	Giỏi	Sư phạm Toán học	
297	2252090029	Nguyễn Đức Anh	17/01/2003	Nam	2.72	Khá	Sư phạm Toán học	
298	2252090003	Trịnh Đức Anh	28/07/2004	Nam	3.39	Giỏi	Sư phạm Toán học	
299	2252090031	Phan Thị Thanh Bình	18/03/2004	Nữ	3.36	Giỏi	Sư phạm Toán học	
300	2252090005	Đào Thị Linh Chi	03/12/2004	Nữ	3.28	Giỏi	Sư phạm Toán học	
301	2252090032	Nguyễn Thị Kim Chi	12/01/2004	Nữ	3.27	Giỏi	Sư phạm Toán học	
302	2252090033	Vũ Hồng Chúc	29/10/2004	Nữ	3.26	Giỏi	Sư phạm Toán học	
303	2252090006	Hoàng Văn Dương	07/02/2004	Nam	3.30	Giỏi	Sư phạm Toán học	
304	2252090035	Nguyễn Thị Hương Giang	05/12/2004	Nữ	3.27	Giỏi	Sư phạm Toán học	
305	2252090057	Bùi Thanh Hằng	07/02/2002	Nữ	2.84	Khá	Sư phạm Toán học	
306	2252090007	Bùi Ngọc Hân	19/07/2004	Nam	3.46	Giỏi	Sư phạm Toán học	
307	2252090008	Quan Quỳnh Hiếu	27/10/2004	Nữ	2.90	Khá	Sư phạm Toán học	
308	2252090036	Chu Minh Hoa	25/05/2004	Nữ	2.69	Khá	Sư phạm Toán học	
309	2252090037	Mã Thị Thu Hoài	04/10/2003	Nữ	3.30	Giỏi	Sư phạm Toán học	
310	2252090038	Nguyễn Thế Hoàng	21/02/2004	Nam	2.89	Khá	Sư phạm Toán học	

Stt	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	TBC TN	Xếp hạng TN	Ngành đào tạo	Ghi chú
311	2252090009	Phan Phúc Hoàng	01/08/2002	Nam	3.47	Giỏi	Sư phạm Toán học	
312	2252090010	Hoàng Mai Linh	19/02/2004	Nữ	3.04	Khá	Sư phạm Toán học	
313	2252090011	Nguyễn Nhật Linh	24/10/2004	Nữ	3.38	Giỏi	Sư phạm Toán học	
314	2252090012	Phùng Khánh Loan	15/01/2004	Nữ	3.36	Giỏi	Sư phạm Toán học	
315	2252090013	Phạm Thị Cẩm Ly	29/05/2003	Nữ	2.72	Khá	Sư phạm Toán học	
316	2252090014	Hà Thị Ngọc Mai	22/03/2004	Nữ	3.43	Giỏi	Sư phạm Toán học	
317	2252090016	Vũ Đức Mạnh	02/02/2004	Nam	2.86	Khá	Sư phạm Toán học	
318	2252090042	Ngô Thị Phương Nga	19/06/2004	Nữ	2.87	Khá	Sư phạm Toán học	
319	2252090018	Nguyễn Thị Hồng Ngát	23/11/2004	Nữ	3.02	Khá	Sư phạm Toán học	
320	2252090020	Trần Thị Ngọc	08/07/2004	Nữ	3.20	Giỏi	Sư phạm Toán học	
321	2252090044	Nguyễn Thị Linh Nhi	06/12/2004	Nữ	3.05	Khá	Sư phạm Toán học	
322	2252090021	Lò Thị Nhung	21/09/2004	Nữ	2.84	Khá	Sư phạm Toán học	
323	2252090045	Lương Kim Oanh	13/10/2004	Nữ	3.42	Giỏi	Sư phạm Toán học	
324	2252090048	Trần Thúy Thanh	22/02/2004	Nữ	3.07	Khá	Sư phạm Toán học	
325	2252090023	Hà Phương Thảo	20/11/2004	Nữ	2.85	Khá	Sư phạm Toán học	
326	2252090024	Phạm Hồng Thẩm	26/09/2004	Nữ	3.00	Khá	Sư phạm Toán học	
327	2252090025	Nguyễn Anh Thu	03/02/2004	Nữ	3.41	Giỏi	Sư phạm Toán học	
328	2252090049	Nguyễn Văn Tịnh	29/10/2003	Nam	3.47	Giỏi	Sư phạm Toán học	
329	2252090026	Đinh Thị Trang	30/01/2004	Nữ	3.15	Khá	Sư phạm Toán học	
330	2252090027	Hoàng Thị Kiều Trang	13/12/2004	Nữ	2.83	Khá	Sư phạm Toán học	
331	2252090050	Nguyễn Thị Hà Trang	12/07/2004	Nữ	3.13	Khá	Sư phạm Toán học	
332	2252090052	Nguyễn Thị Thanh Trang	14/09/2004	Nữ	2.72	Khá	Sư phạm Toán học	
333	2252090055	Nguyễn Tài Tuệ	02/09/2004	Nam	2.85	Khá	Sư phạm Toán học	
334	2252090051	Nguyễn Anh Tú	10/12/2004	Nam	2.86	Khá	Sư phạm Toán học	
335	2252170002	Phạm Hà Anh	03/12/2003	Nữ	3.29	Giỏi	Sư phạm Ngữ văn	

Stt	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	TBC TN	Xếp hạng TN	Ngành đào tạo	Ghi chú
336	2252170003	Hoàng Thị Dung	30/09/2004	Nữ	3.31	Giỏi	Sư phạm Ngữ văn	
337	2252170004	Lường Thị Dung	06/04/2004	Nữ	2.66	Khá	Sư phạm Ngữ văn	
338	2252170005	Bàn Bạch Dương	29/07/2002	Nữ	3.28	Giỏi	Sư phạm Ngữ văn	
339	2252170008	Phạm Thị Mỹ Hạnh	08/10/2004	Nữ	2.86	Khá	Sư phạm Ngữ văn	
340	2252170011	Ma Thị Hòa	21/08/2004	Nữ	3.31	Giỏi	Sư phạm Ngữ văn	
341	2252170012	Ma Thị Diệu Huyền	29/07/2004	Nữ	3.23	Giỏi	Sư phạm Ngữ văn	
342	2252170017	Hà Mai Linh	03/01/2003	Nữ	3.13	Khá	Sư phạm Ngữ văn	
343	2252170018	Nguyễn Thị Ngọc Linh	11/01/2004	Nữ	2.87	Khá	Sư phạm Ngữ văn	
344	2252170022	Lâm Hồng Nhung	12/04/2004	Nữ	3.02	Khá	Sư phạm Ngữ văn	
345	2252170023	Nguyễn Hà Phương	07/10/2004	Nữ	3.27	Giỏi	Sư phạm Ngữ văn	
346	2252170024	Trương Thị Phượng	23/05/2003	Nữ	3.39	Giỏi	Sư phạm Ngữ văn	
347	2252170027	Chu Đức Thành	21/02/2003	Nam	2.64	Khá	Sư phạm Ngữ văn	
348	2252170029	Nguyễn Phương Thảo	21/01/2004	Nữ	3.20	Giỏi	Sư phạm Ngữ văn	
349	2252170030	Nguyễn Phương Thảo	25/12/2004	Nữ	3.23	Giỏi	Sư phạm Ngữ văn	
350	2252170031	Nguyễn Thị Thảo	25/11/2004	Nữ	3.66	Xuất sắc	Sư phạm Ngữ văn	
351	2252170033	Bùi Đức Thắng	23/02/2004	Nam	3.38	Giỏi	Sư phạm Ngữ văn	
352	2252170034	Vũ Thị Hoài Thu	06/08/2004	Nữ	3.67	Xuất sắc	Sư phạm Ngữ văn	
353	2252170036	Nguyễn Hoàng Thương	04/10/2004	Nữ	2.95	Khá	Sư phạm Ngữ văn	
354	2253010021	Đỗ Ngọc Ánh	14/02/2004	Nữ	3.20	Giỏi	Kế toán	
355	2253010023	Lương Thị Yến Chi	19/12/2004	Nữ	3.50	Giỏi	Kế toán	
356	2253010004	Nguyễn Minh Diễm	16/04/2004	Nữ	3.43	Giỏi	Kế toán	
357	2253010005	Nguyễn Thị Thanh Hào	10/09/2004	Nữ	3.13	Khá	Kế toán	
358	2253010027	Hà Thị Ngọc Hạnh	20/03/2002	Nữ	3.22	Giỏi	Kế toán	
359	2253010029	Ma Thị Thu Hằng	02/01/2004	Nữ	3.24	Giỏi	Kế toán	
360	2253010032	Nguyễn Khánh Huyền	02/01/2003	Nữ	3.16	Khá	Kế toán	
361	2253010009	Đặng Thị Mỹ Linh	20/10/2004	Nữ	3.21	Giỏi	Kế toán	

Stt	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	TBC TN	Xếp hạng TN	Ngành đào tạo	Ghi chú
362	2253010034	Phạm Thị Thùy Linh	14/05/1999	Nữ	3.34	Giỏi	Kế toán	
363	2253010037	Trương Tam Phong	20/09/2004	Nam	3.28	Giỏi	Kế toán	
364	2253010016	Tướng Thị Sơn	15/06/2004	Nữ	2.85	Khá	Kế toán	
365	2253010017	Nguyễn Thị Thu Thảo	13/08/2001	Nữ	3.33	Giỏi	Kế toán	
366	2253010039	Lương Thị Thơm	10/06/2004	Nữ	3.00	Khá	Kế toán	
367	2253010019	Trần Thu Trà	01/02/2004	Nữ	2.94	Khá	Kế toán	
368	2251050001	Hoàng Thị Thu Hà	30/03/2004	Nữ	3.48	Giỏi	Chăn nuôi	
369	2251030007	Mụ Thị Kim Oanh	11/11/2004	Nữ	3.07	Khá	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
370	2257200004	Châu Thị Diễm	12/10/2001	Nữ	3.77	Xuất sắc	Điều dưỡng	
371	2257200006	La Thành Đạt	18/10/2004	Nam	3.33	Giỏi	Điều dưỡng	
372	2257200040	Nguyễn Trần Ngọc Hà	07/10/2004	Nữ	2.96	Khá	Điều dưỡng	
373	2257200008	Hoàng Ngọc Hải	26/09/2004	Nam	2.76	Khá	Điều dưỡng	
374	2257200012	Nguyễn Thanh Hiền	17/06/2004	Nữ	3.00	Khá	Điều dưỡng	
375	2257200042	Nguyễn Thu Hoài	04/11/2001	Nữ	3.26	Giỏi	Điều dưỡng	
376	2257200013	Phương Thị Thu Huệ	13/08/2004	Nữ	2.93	Khá	Điều dưỡng	
377	2257200043	Trần Bích Huệ	12/12/2004	Nữ	3.16	Khá	Điều dưỡng	
378	2257200044	Nguyễn Văn Huy	05/09/2004	Nam	2.84	Khá	Điều dưỡng	
379	2257200055	Nguyễn Thị Huyền	21/04/2004	Nữ	2.88	Khá	Điều dưỡng	
380	2257200014	Phạm Thị Huyền	17/08/2004	Nữ	3.20	Giỏi	Điều dưỡng	
381	2257200017	Nguyễn Thị Thu Hương	05/12/2004	Nữ	2.70	Khá	Điều dưỡng	
382	2257200047	Châu Thúy Lan	02/09/2002	Nữ	2.89	Khá	Điều dưỡng	
383	2257200056	Nguyễn Hoàng Lanh	26/05/2004	Nữ	3.13	Khá	Điều dưỡng	
384	2257200018	Phùng Ngọc Lanh	09/07/2002	Nữ	2.73	Khá	Điều dưỡng	
385	2257200019	Trần Khánh Linh	15/08/2004	Nữ	2.60	Khá	Điều dưỡng	
386	2257200020	Trần Diệu Loan	12/05/2004	Nữ	3.12	Khá	Điều dưỡng	
387	2257200049	Vương Cát Lượng	12/12/2004	Nam	2.63	Khá	Điều dưỡng	

Stt	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	TBC TN	Xếp hạng TN	Ngành đào tạo	Ghi chú
388	2257200022	Vũ Khánh Ly	13/09/2004	Nữ	2.73	Khá	Điều dưỡng	
389	2257200050	Hoàng Thị Nga	05/08/2004	Nữ	2.69	Khá	Điều dưỡng	
390	2257200023	Hà Kim Ngân	28/04/2004	Nữ	3.30	Giỏi	Điều dưỡng	
391	2257200051	Nguyễn Kim Ngân	31/03/2004	Nữ	2.80	Khá	Điều dưỡng	
392	2257200025	Đào Thị Oanh	01/09/2004	Nữ	3.23	Giỏi	Điều dưỡng	
393	2257200026	Nguyễn Minh Phương	18/05/2003	Nữ	2.99	Khá	Điều dưỡng	
394	2257200027	Vũ Như Quỳnh	02/02/2004	Nữ	2.83	Khá	Điều dưỡng	
395	2257200052	Đặng Thị Thảo	18/02/2004	Nữ	2.92	Khá	Điều dưỡng	
396	2257200030	Đinh Phương Thảo	18/03/2004	Nữ	2.69	Khá	Điều dưỡng	
397	2257200032	Lê Hồng Thu	27/09/2004	Nữ	2.93	Khá	Điều dưỡng	
398	2257200059	Thôi Thị Thu	11/07/2004	Nữ	2.72	Khá	Điều dưỡng	
399	2257200036	Đinh Phương Uyên	13/12/2004	Nữ	3.08	Khá	Điều dưỡng	
400	2257200037	Nguyễn Thị Hà Xuân	15/04/2004	Nữ	3.26	Giỏi	Điều dưỡng	

(*Ấn định danh sách này là 400 người*)